



2013

Languages: Vietnamese GA 3: Examination

Written component

GENERAL COMMENTS

The 2013 Vietnamese written examination assessed students' knowledge and skills in dealing with spoken and written texts, and in expressing ideas through the creation of original text in Vietnamese.

The students who achieved good results responded to all parts in appropriate English or Vietnamese in a logical sequence.

Section 1: Listening and responding was divided into two parts: Part A and Part B. Part A had to be answered in English. Part B required the students to answer in Vietnamese. Students are reminded to refer to the text in their answers and not answer based on their own general knowledge.

Section 2: Reading and responding was also divided into two parts. Part A was taken from a letter and needed to be answered in English. Part B was from a text about Vietnamese pottery, and students were required to answer the text in Vietnamese.

Section 3: Writing in Vietnamese. Students had a choice of five topics, and needed to answer in Vietnamese.

SPECIFIC INFORMATION

This report provides sample answers or an indication of what answers may have included. Unless otherwise stated, these are not intended to be exemplary or complete responses.

Section 1 – Listening and responding Part A – Answer in English

Text 1

Question 1a.

Mai asks Long to help her buy something that she has never owned before.

Question 1b.

- She wants to drive to her part-time job (now).
- She wants to drive to university (next year).

Question 1c.

- Because a hybrid car uses electric power as one of its fuel sources, it is more fuel efficient (does not use as much petrol).
- This type of car has lower carbon emissions.
- This type of car does not pollute the environment.

Question 1d.

Either of

- she says that although she would like to buy a hybrid car, this type of car might be too expensive
- she asks Long about second-hand cars and how to know if a car will be good.

2013 Examination Report



Question 1e.

He laughs because Mai has been asking many questions about all the serious aspects of the car, but now she says that the most interesting aspect is the colour of the car.

Text 2

Question 2a.

He is being interviewed in New York where he is attending a conference.

Question 2b.

He is interested in

- (or attending a conference on) disease-resistant varieties of rice
- the history of rice-growing
- music, and he says that he is going to a concert.

Question 2c.

Natural resources

- The King saw that fertile soil had been deposited on the riverbanks.
- The King saw wild rice growing everywhere.

Human resources

- He asked the people to make channels to hold water so they could plant rice.
- He showed people how to remove the grains from the wild rice so they could grow rice seedlings.

Part B – Answer in Vietnamese

Text 3

Question 3a.

Vì đây là lần thứ hai cô được mời nói chuyện về đề tài này. (She says that this is the second time that she has been asked to do this.)

Question 3b.

Vì gia đình cô ở một làng rất xa nơi làm lễ kỷ niệm này. (She tells her audience that the family's village was far away from the place where the celebrations were held.)

Question 3c.

- *Mẹ cô có thể tả được cảnh nhộn nhịp này* (The mother could describe the busy scene.)
- *Mẹ cô có thể tả được các phương tiện giao thông đều chật kín người* (The mother could describe how crowded the transport was.)
- *Mẹ cô có thể tả được các trò chơi thú vị* (The mother could describe all the activities [games] [fun and serious])

Question 3d.

Đoạn cuối của bài nói chuyện của cô đặc biệt dành cho quý vị thỉnh giả trẻ (Her conclusion is directed to the young people in her audience.)

Question 3e.

- *Cô khuyên các bạn trẻ nên nhớ về người 'cha đẻ' của mình và nhắc nhở họ rằng 'Cây có cội, nước có nguồn'* (She asks young people to remember their founding father as their source: she reminds people that 'trees have roots and water has a source'.)
- *Cô khuyên các bạn trẻ nên nhớ đến ngày mừng 10 tháng 3 Âm lịch là ngày Giỗ Tổ và làm lễ kỷ niệm để tưởng nhớ đến tổ tiên* (She asks them to remember that the 10th of March is Ancestral Remembrance Day. Please celebrate Ancestral Remembrance Day.)
- *Cô khuyên các bạn trẻ nên làm lễ kỷ niệm ngày này với gia đình họ* (She asks them to celebrate with their families.)
- *Lời khuyên / đề nghị này rất thích hợp vì cô được mời nói chuyện trong ngày lễ này.* (It is very suitable advice because she is giving the speech on Remembrance Day – March 10.)



Section 2 – Reading and responding
Part A – Answer in English

Text 4

Question 4a.

- She states that yet another year is over.
- She states that the students this year have worked very hard.

Question 4b.

- She writes about her students as they work hard and behave well, and it's a pleasure to teach them.
- She likes teaching at this school because the school takes all the students on excursions throughout the year.

Question 4c.

Either of

- students openly inform her that they like watching the film version as the acting is so good (they show that they are confident enough to do this)
- she knew her students' interests, as she is aware her students preferred watching movies to reading books.

Question 4d.

Attitude

- Her attitude is a mixed one – positive and negative

Evidence

- She says in one part of her letter that uniforms can take away the students' individuality because the students look more individual when they are in their casual clothes.
- However, she says in another part of her letter that the colour of the old uniform was very nice and that the colour of the new uniform is equally nice.
- She is very positive about the new jacket.

Question 4e.

She gives a great deal of information about school life. She does not tell about her own family or go into detail about any feelings.

Evidence (one of)

- Her opening and closing greetings and language used are not very personal.
- She called him 'Thầy', which means teacher instead of 'anh' or just his name.

2013 Examination Report



Question 4f.

The activity	Why this activity is worthwhile
<ul style="list-style-type: none"> excursion 	<ul style="list-style-type: none"> Both students and teachers enjoyed the excursions as they showed their personalities through their casual clothes.
<ul style="list-style-type: none"> reading – a book or books about modern literature 	<ul style="list-style-type: none"> The students can cover a wide range of important issues by reading; for example, families, social issues and morality

Question 4g.

She is reading the books for next year's classes.

Question 4h.

Text feature	Answer	Evidence that supports this answer
purpose	to inform	<ul style="list-style-type: none"> informs the reader about school life informs the reader about the books she is teaching
style	<ul style="list-style-type: none"> informal letter OR <ul style="list-style-type: none"> social letter 	<ul style="list-style-type: none"> use of exclamations, salutation and closing, date, place, signing off, farewell OR <ul style="list-style-type: none"> emphasis on personal perspectives

Part B – Answer in Vietnamese

Text 5

Question 5a.

- Tác giả ghi nhận rằng các tác phẩm này được kết hợp giữa lối trang trí bình dân và kỹ thuật tinh xảo nhưng cũng được hoàn thành rất nhanh chóng.* (The writer highlights that these ceramic objects are simply and very quickly decorated, but are also highly finished from a technical point of view.)
- Tác giả sử dụng nhiều từ như 'tác phẩm xinh đẹp', hoặc 'bông hoa xinh xắn' để mô tả các đồ gốm này.* (The writer uses many words such as 'beautiful objects' or 'pretty flowers' to describe these ceramic objects.)

Question 5b.

- Từ 'đáng kinh ngạc' được dùng vì các đồ gốm này khi được vớt lên không hề bị sức mẻ hoặc hư hao / vẫn còn trong tình trạng tốt.* ('Surprisingly' is used because it is surprising that, after all the time they have spent under the sea, the objects have not been broken or ruined – they are still in very good condition.)

Question 5c.

Giám đốc của viện bảo tàng đã có một quyết định rất hay về việc trưng bày những đồ vật này vì: (2 trong 3 câu trả lời dưới đây) (The directors of the Museum made a very good decision because)

- Khách tham quan có thể chiêm ngư ng* (Visitors can admire the pots [or ceramic objects].)
- Sinh viên có thể nghiên cứu từ các đ sứ này* (Students can learn about or research the pots [or objects or ceramics].)
- Các em học sinh có thể hỏi giáo viên những câu hỏi thú vị* (Children can ask their teachers interesting questions about the pots.)



Section 3 – Writing in Vietnamese

Question 6

Cấu trúc:

Cách bố trí của một lá thư trang trọng phải có những điểm sau đây:

- Địa chỉ của người gửi và người nhận và ngày tháng.
- Chính thức chào hỏi, chào cuối thư và ký tên.
- Có sự gắn liền và liên kết giữa các ý tưởng.
- Nhập đề, thân bài và kết luận

Chức năng ngôn ngữ:

- Phải dùng ngôn ngữ chính thức khi viết thư gửi đến một doanh nghiệp.
- Ghi rõ những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm mà em đã đạt được trong thời gian làm việc tại đây.
- Kèm theo lời khuyên của ông Nguyễn
- Sử dụng câu đầy đủ và đoạn văn.
- Cấu trúc câu phức tạp hơn.
- Dùng từ thích hợp cho mục đích của bài viết.
- Thường xuyên sử dụng các câu văn chuẩn.

Structure

The layout of a formal letter must have the following.

- address of sender and date
- formal greeting, farewell and signature
- logical and cohesive sequence of ideas
- introduction, body and conclusion

Language features

- The language should have been in formal register.
- Statement of the knowledge and skills gained during this work experience.
- Advice from the supervisor.
- Full sentences and paragraphs.
- More complex sentence structure.

Question 7

Cấu trúc:

- Trong bài tường thuật tưởng tượng, học sinh cần dựng ra một bối cảnh về cuộc sống của em trong thời kỳ cổ đại cách đây hai ngàn năm.
- Nội dung của bài tường thuật này phải có liên quan đến đề tài đưa ra.
- Một bài tường thuật yêu cầu các em phải kể lại cuộc sống qua những câu văn giới thiệu hoặc bằng cách lựa chọn các cụm từ để mô tả lại cuộc sống con người trong thời kỳ này bao gồm xe cộ, quần áo, nhà cửa, đường xá, cây cối, trò chơi, sự ngạc nhiên, kinh dị, mâu thuẫn, khám phá v.v..
- Bài viết cần có tựa bài.

Chức năng ngôn ngữ:

- Dùng các từ để miêu tả, và đoạn văn với cấu trúc rõ ràng mạch lạc và dùng các động từ thời quá khứ.
- Dùng các từ về thời gian để nối liền các ý tưởng.
- Dùng từ mô tả khi nào, ở đâu, với ai và thế nào v.v...

Structure

- Students were expected to write a story that described the life of a 17- or 18-year-old person in an ancient world that existed more than 2000 years ago.
- The content of this account needed to be relevant to the task.
- Introduction, body and conclusion.
- The introduction of the event sequenced in chronological order.
- A surprise, a shock, a conflict, a revelation to make it more interesting and to provide the focus or the high point of the story.

2013 Examination Report



- A title.

Language features

- clearly structured using mainly past tenses
- include time words to connect events

Question 8

Cấu trúc:

- Học sinh phải thông báo cho mọi người về Úc và về những thách thức mà họ có thể phải đối mặt trong vài tháng đầu tiên sau khi đến (nỗi nhớ nhà, vv)
- Kịch bản phải có những điều sau đây: tiêu đề / chủ đề / tựa bài, cấu trúc, câu chào hỏi, nội dung
- Mở bài, thân bài và kết luận

Chức năng ngôn ngữ:

- Bài nói chuyện phải phù hợp với khán giả (người có nhu cầu đến Úc)
- Việc sử dụng ngôn ngữ phải nghiêm trang
- Sử dụng văn phạm thích hợp cho bài viết

Structure

- Students needed to inform people about Australia and about the challenges they may face in the first few months of arriving (homesickness, etc.)
- A greeting, title, or topic or main theme followed by content that develops important ideas.
- Introduction, body and conclusion.

Language features

- appropriate for the audience (people wishing to come to Australia)
- formal language and the tone quite serious
- a range of tenses

Question 9

Cấu trúc:

- Học sinh được yêu cầu phải thuyết phục độc giả đến và ăn thức ăn chay từ nhà hàng này.
- Nội dung của bài thuyết phục tạo thêm phần hấp dẫn cho nhà hàng và thức ăn.
- Những câu văn thuyết phục phải mô tả được sự quan tâm của bạn em về thức ăn chay và môi trường (đồ ăn tươi, ngon, bổ dưỡng, tốt cho sức khỏe, dùng rau quả, trái cây, không dùng thịt --> cuộc sống lành mạnh, tốt cho môi trường; có đầu bếp giỏi)
- Thông tin được trình bày thứ tự hợp lý.
- Mở bài, thân bài và kết luận.
- Bài báo phải có: tựa bài, ngày tháng, nơi chốn, nội dung, tên tác giả

Chức năng ngôn ngữ:

- Dùng ngôn ngữ chính xác phù hợp với mục tiêu của bài viết.
- Dùng liên từ để liên kết những ý tưởng theo trình tự và đoạn văn.
- Dùng danh từ, tính từ trừu tượng.
- Đưa ra các bằng chứng hoặc ví dụ để hỗ trợ hoặc tăng cường sự đối lập.

Structure

- persuade the readers to come and eat vegetarian food from this restaurant
- make the restaurant and the food seem attractive
- link the vegetarian dishes to the environmental concerns of the friend
- information presented in logical sequence
- introduction, body and conclusion
- a title, date, place, content, author

Language features

- formal

2013 Examination Report



- objective language
- linking words to sequence ideas and paragraphs
- complex sentence structure
- evidence or examples of the dishes included to support or enhance the argument

Question 10

Cấu trúc:

- *Mô tả bối cảnh của cuốn tiểu thuyết.*
- *Đánh giá cuốn tiểu thuyết.*
- *Mở bài, thân bài và kết luận.*
- *Bao gồm phần nhận xét cá nhân đánh giá và sự hiểu biết về nội dung của tiểu thuyết này.*
- *Bao gồm đầy đủ chi tiết và đưa ra các câu hỏi đọc phù hợp với nhu cầu của bài làm.*
- *Bài viết phải có tựa bài và tên tác giả.*

Chức năng ngôn ngữ:

- *Trang trọng.*
- *Sử dụng ngôn ngữ để mô tả nội dung.*
- *Sử dụng các câu văn có cấu trúc phức tạp với ngôn ngữ trừu tượng.*
- *Sử dụng từ ngữ diễn tả sự phán xét.*
- *Sử dụng từ ngữ có thể so sánh và câu văn thể hiện tính chất phong phú và linh động.*

Structure

- description and evaluation of the novel
- introduction, body and conclusion
- evaluative comments and an understanding of the ways in which the novel looks at 'success' or stories of success
- a title and author

Language features

- formal
- descriptive language
- more complex structures with frequent abstract language
- words that express judgment